

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1127/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 29 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Thủy sản, Lâm nghiệp, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng Nông lâm sản & Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Phú Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số: 4866/QĐ-BNN-TCTS ngày 10/12/2018, 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018, 678/QĐ-BNN-BVTV ngày 28/02/2019, 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/03/2019, 818/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/3/2019 và 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 134/TTr-SNN ngày 18/6/2019 và Tờ trình số 138/TTr-SNN ngày 20/6/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 39 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong đó:

- Ban hành mới 23 thủ tục, gồm: lĩnh vực Thủy sản 12 thủ tục, lĩnh vực Lâm nghiệp 11 thủ tục.

- Thay thế 14 thủ tục, gồm: lĩnh vực Lâm nghiệp 01 thủ tục, lĩnh vực Thủy sản 9 thủ tục, lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản 4 thủ tục

- Sửa đổi, bổ sung 02 thủ tục lĩnh vực Bảo vệ thực vật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ 45 thủ tục hành chính gồm lĩnh vực Thủy sản 05 thủ tục và lĩnh vực Lâm nghiệp 40 thủ tục tại Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 và Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Hữu Thế

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH:

Số TT	Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. Lĩnh vực Thủy sản							
1	Xóa đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; số 206A Trần Hưng Đạo, Phường 4, TP. Tuy Hòa	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính		- Điều 24, Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018.	Theo Quyết định số 4866/QĐ-BNN-TCTS ngày 10/12/2018.
2	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	- Công khai phương án: 03 ngày làm việc; - Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng: 60 ngày.			Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019	Những nội dung còn lại thực hiện theo Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/4/2019
3	Sửa đổi, bổ sung nội dung	- Đối với trường hợp thay					

	<p>quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)</p>	<p>đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: Trong thời hạn 07 ngày làm việc; - Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: - Công</p>					
--	--	---	--	--	--	--	--

		khai phương án: 03 ngày làm việc; - Thăm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng: 60 ngày.					
4	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ)	- 10 ngày làm việc đối với cấp mới; - 03 ngày làm việc đối với cấp lại.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; số 206A Trần Hung Đạo, Phường 4, TP. Tuy Hòa	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ- CP ngày 08/3/2019	Những nội dung còn lại thực hiện theo Quyết định số 1154/QĐ- BNN- TCTS ngày 05/4/2019.
5	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở	- 10 ngày làm việc đối với cấp			5.700.000 đồng/lần		

	đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	mới; - 03 ngày làm việc đối với cấp lại.				
6	Cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 6 hải lý)	- 45 ngày đối với cấp mới; - 15 ngày đối với cấp lại.			Chưa có văn bản quy định	
7	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy	10 ngày làm việc			Chưa có văn bản quy định	

	sản (theo yêu cầu)						
8	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lòng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	05 ngày làm việc					
9	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp,	07 ngày làm việc			Chưa có văn bản quy định		

	quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng					
10	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	- 03 ngày làm việc đối với xác nhận nguồn gốc; - 07 ngày làm việc đối với xác nhận mẫu vật				
11	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều	10 ngày làm việc		Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ- CP ngày 08/3/2019	Những nội dung còn lại thực hiện theo theo Quyết định số 1154/QĐ-

	kiện đóng mới, cải hoán tàu cá							BNN- TCTS ngày 05/4/2019
12	Công bố mở cảng cá loại 2	<p>- Cơ quan có thẩm quyền xem xét hồ sơ, tổ chức khảo sát thực tế tại cảng cá, quyết định công bố mở cảng cá: 06 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Thông báo Quyết định công bố mở cảng cá trên các phương tiện thông tin đại chúng: 02</p>						

		ngày kể từ ngày được ban hành.					
II. Lĩnh vực Lâm nghiệp							
1	Phê duyet Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	50 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công; 206A Trần Hung Đạo, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Không	Nghị định 156/2018/NĐ- CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.	Theo Quyết định số 4868/QĐ- BNN- TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
2	Phê duyet Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý	50 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công; 206A Trần Hung Đạo, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Không	Nghị định số 156/2018/NĐ- CP ngày 16 /11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.	Những nội dung còn lại thực hiện theo Quyết định số 4868/QĐ- BNN- TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
	Quyết định				Không		

3	chủ trương chuyên mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ đối khu rừng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý	45 ngày làm việc					
4	Quyết định chủ trương chuyên mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	45 ngày làm việc			Không		
5	Thủ tục phê duyệt	50			Không		

	chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	ngày làm việc					
6	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập	45 ngày làm việc			Không		
7	Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành	15 ngày làm việc			Không		

	<i>chính</i>						
	<i>của một tỉnh)</i>						
8	Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	23 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công; 206A Trần Hưng Đạo, Thành phố		Không	Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phương án quản lý rừng bền vững.	
9	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	18 ngày làm việc	Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên		Công nhận lâm phần tuyển chọn là 600.000 đ/01 giống; công nhận vườn giống là 2.400.000 đ/01 vườn giống; công nhận nguồn gốc lô giống, lô con giống là 600.000 đ/01 lô giống (theo quy định tại Điều 2 TT số 14/2018/TT-BTC ngày 7/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	- Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018	Những nội dung còn lại thực hiện theo Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
10	Phê duyệt khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên.	07 ngày làm việc				Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
11	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng	-Hồ sơ không hợp lệ:	Trung tâm phục vụ hành chính công;				Quyết định số 818/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/3/2019 của Bộ Nông

các loài	03	206A					ng nghiệp và PTNT
động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II, III Cites.	ngày làm việc -Hồ sơ hợp lệ: 05 ngày làm việc	Trần Hưng Đạo, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên					

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ:

Số T T	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. Lĩnh vực Lâm nghiệp								
1	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm đối với: lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc từ rừng tự nhiên, nhập khẩu, sau xử lý tịch thu; lâm sản sau chế biến lâm sản sau chế biến có nguồn gốc từ rừng tự nhiên, nhập khẩu, sau xử lý tịch thu; lâm sản vận chuyển nội bộ giữa các điểm không cùng trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; động vật rừng được	Xác nhận bằng kê lâm sản	10 ngày làm việc	Hạt Kiểm lâm cấp huyện	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính	Không quy định	Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản	Những nội dung còn lại thực hiện theo Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT

	gây nuôi trong nước; bộ phận, dẫn xuất của chúng							
II. Lĩnh vực Thủy sản								
1	Chứng nhận sản phẩm thủy sản khai thác trong nước không vi phạm quy định về đánh bắt bất hợp pháp	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	02 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công; 206A Trần Hưng Đạo, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018.	Những nội dung còn lại thực hiện theo Quyết định số 4866/QĐ-BNN-TCTS ngày 10/12/2018.
	Chứng nhận lại sản phẩm thủy sản khai thác trong nước không vi phạm quy định về đánh bắt bất hợp pháp							
2	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đóng mới	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công; 206A Trần Hưng Đạo, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên		Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018.	Những nội dung còn lại thực hiện theo Quyết định số 4866/QĐ-BNN-TCTS ngày 10/12/2018.
	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá chuyển nhượng quyền sở hữu							
	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá thuộc diện thuê tàu trần hoặc thuê - mua tàu							
	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cải hoán							Những nội dung còn lại thực hiện theo Quyết định số 4866/QĐ-BNN-TCTS ngày
	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá không thời hạn (đối với tàu cá nhập							

							10/12/201	
3	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc			Chưa có văn bản quy định	8.	
4	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời (đối với tàu cá nhập khẩu)	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	03 ngày làm việc			Chưa có văn bản quy định	- Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018.	
5	Cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	- 06 ngày đổi với cấp mới; - 03 ngày đổi với cấp lại			Cấp mới: 40.000 đồng/lần; Cấp lại: 20.000 đồng/lần	Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản	
	Cấp giấy phép khai thác thủy sản							
	Cấp gia hạn giấy phép khai thác thủy sản							
6	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán tàu cá.	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	03 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công; 206A Trần Hưng Đạo, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019	
7	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bè cá	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	05 ngày làm việc			Chưa có văn bản quy định	Những nội dung còn lại thực hiện theo Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/4/2019.	
8	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	19 ngày làm việc			Chưa có văn bản quy định		
9	Chứng nhận sản phẩm thủy sản khai thác	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận		Trung tâm phục vụ	Nộp hồ sơ	Nộp 150.000 đồng+ (số tấn	- Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số	Những nội dung còn lại thực hiện theo

	trong nước		02	hành			21/2018/TT-	
	không vi phạm quy định về đánh bắt bất hợp pháp	nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	ngày làm việc	chính công; 206A Trần Hưng Đạo, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính	thủy sản X 15.000 đồng/tấn; tối đa 700.000 đồng/lần	BNNPTNT ngày 15/11/2018.	Quyết định số 4866/QĐ-BNN-TCTS ngày 10/12/2018.
	Chứng nhận lại sản phẩm thủy sản khai thác trong nước không vi phạm quy định về đánh bắt bất hợp pháp							

III. Lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm và Thủy sản

1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	15 ngày làm việc				- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Những nội dung còn lại thực hiện theo Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/3/2019.
2	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường	15 ngày làm việc				Thẩm định cấp mới: 700.000 đồng/cơ sở; Thẩm định định kỳ: 350.000 đồng/cơ sở	

		P hết hạn)						
3	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP)	05 ngày làm việc					
4	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	Tron g thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày tham gia đánh giá (ngày kiểm			30.000 đồng/là n/người	- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Những nội dung còn lại thực hiện theo Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/3/2019.

			tra) cơ quan có thẩm quyề n quy định có trách nhiệ m cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩ m					
--	--	--	---	--	--	--	--	--

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI

TT	Tên thủ hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	Lĩnh vực Bảo vệ thực vật						
1	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	- 21 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - 84 ngày làm việc khi nhận	Trung tâm phục vụ hành chính công; 206A Trần Hung Đạo, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính	Theo quy định tại Thông tư số 231/2016/TT- BTC ngày 11/11/2016 (Mục I, Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật). Mức thu: 800.000 đ	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13. - Thông tư số 21/2015/TT- BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật. - Thông tư số 231/2016/TT- BTC ngày 11/11/2016 của	Những nội dung còn lại thực hiện theo Quyết định số 678/QĐ- BNN-BVTV ngày 28/02/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

		được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ				Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật. - Nghị định số 66/2016/NĐ- CP ngày 01/7/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về BV&KDTV; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm. - Nghị định 123//2018/NĐ- CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp
2	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	- 21 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - 07 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ				

		đôi					
		với cơ sở được kiểm tra, đánh giá xếp loại A theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản. - 84 ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khắc phục					

		của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ				
--	--	---	--	--	--	--

IV. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ:

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý quy định	Ghi Chú
Lĩnh vực Thủy sản				
1	BNN-PYE-288310	Đưa tàu cá ra khỏi danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp	Luật Thủy sản năm 2017;	Công bố tại Quyết định số 2406/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh (bãi bỏ theo Quyết định số 4866/QĐ-BNN-TCTS ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
2	BNN-PYE-288225	Đăng ký thuyền viên và cấp sổ danh bạ thuyền viên tàu cá	Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT	
3	BNN-PYE-288232	Xác nhận đăng ký tàu cá		
4	BNN-PYE-288210	Kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu (bao gồm cả giống thủy sản bố mẹ chủ lực nếu được ủy quyền)	Luật Thủy sản năm 2017; Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản	Công bố tại Quyết định số 2406/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh (bãi bỏ theo Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày
5	BNN-PYE-288027	Cấp mã số nhận diện ao nuôi cá Tra thương phẩm (cấp lần đầu và cấp lại)		

Lĩnh vực Lâm nghiệp

1	T-PYE-276284-TT	Cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng giữa 3 loại rừng đối với những khu rừng do UBND cấp tỉnh xác lập	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 20/4/2017
2	T-PYE-276285-TT	Cho phép trồng cao su trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại đối với tổ chức		Được công bố tại Quyết định 814/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của UBND tỉnh (bãi bỏ theo Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)
3	T-PYE-276286-TT	Cấp phép khai thác tận dụng gỗ trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách hoặc vốn viện trợ chuyên sang trồng cao su của tổ chức		
4	T-PYE-276287-TT	Thủ tục phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác chính gỗ rừng tự nhiên của chủ rừng là tổ chức		
5	T-PYE-276288-TT	Cấp phép Khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng Phòng hộ cho các chủ rừng là tổ chức		
6	T-PYE-276289-TT	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm và các loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ.		
7	T-PYE-276290-TT	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng phòng hộ của tổ chức.	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	
8	T-PYE-276291-TT	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm và các loài ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng đặc dụng.		
9	T-PYE-276292-TT	Thẩm định, phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của tổ chức		
10	T-PYE-	Cấp giấy chứng nhận đăng ký trại		

	276293-TT	nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam và các Phụ lục II, III của Công ước CITES		
11	T-PYE-276294-TT	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên vì mục đích thương mại trên các lâm phận của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý		
12	T-PYE-276295-TT	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên không vì mục đích thương mại trên các lâm phận của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý		
13	T-PYE-276296-TT	Thẩm định, Phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Thủ tướng Chính phủ thành lập thuộc địa phương quản lý		
14	T-PYE-276297-TT	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh các phân khu chức năng không làm thay đổi diện tích khu rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Được công bố tại Quyết định 814/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của UBND tỉnh (bãi bỏ theo Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)
15	T-PYE-276298-TT	Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư vùng đệm đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý		
16	T-PYE-276299-TT	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái lập dự án du lịch sinh thái đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý		
17	T-PYE-276300-TT	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng tự tổ chức hoặc liên kết với tổ chức, cá nhân khác để kinh doanh dịch vụ		

		chơi giải trí lập dự án du lịch sinh thái đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý		
18	T-PYE-276301-TT	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng lập, tổ chức thực hiện hoặc liên kết với các đối tác đầu tư để thực hiện các phương án chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý		
19	T-PYE-276302-TT	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh giảm diện tích đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý		
20	T-PYE-276303-TT	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý		
21	T-PYE-276304-TT	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh các phân khu chức năng không làm thay đổi diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý		
22	T-PYE-276305-TT	Thẩm định, phê duyệt Quy hoạch rừng đặc dụng cấp tỉnh	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Được công bố tại Quyết định 814/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của UBND tỉnh (bãi bỏ theo Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)
23	T-PYE-276306-TT	Thẩm định, phê duyệt Quy hoạch khu rừng đặc dụng do địa phương quản lý		
24	T-PYE-276307-TT	Thẩm định, phê duyệt đề án thành lập Trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật (đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý)		
25	T-PYE-276308-TT	Thẩm định, phê duyệt báo cáo xác định vùng đệm khu rừng đặc dụng và khu bảo tồn biển thuộc địa phương quản lý		
26	T-PYE-276309-TT	Cấp chứng nhận nguồn gốc lô giống		

27	T-PYE- 276310-TT	Cấp chứng nhận nguồn gốc lô cây con		
28	T-PYE- 276311-TT	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (Gồm công nhận: cây trộ; lâm phân tuyển chọn; rừng giống chuyển hóa; rừng giống; vườn cây đầu dòng)		
29	T-PYE- 276312-TT	Phê duyệt hồ sơ thiết kế chặt nuôi dưỡng đối với khu rừng đặc dụng do tỉnh quản lý		
30	T-PYE- 276314-TT	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ cải tạo rừng (đối với tổ chức khác và hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn)		
31	T-PYE- 276317-TT	Thu hồi rừng của tổ chức được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh (chủ rừng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài)		
32	T-PYE- 276318-TT	Giao rừng đối với tổ chức		
33	T-PYE- 276319-TT	Cho thuê rừng đối với tổ chức		
34	T-PYE- 276320-TT	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài	Được công bố tại Quyết định 814/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của UBND tỉnh (bãi bỏ theo Quyết định số 818/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)
35	T-PYE- 276321-TT	Giao nộp gấu cho nhà nước		

			động vật, thực vật hoang dã nguy cấp	
36	T-PYE-276322-TT	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đối với lâm sản xuất ra có nguồn gốc khai thác hợp pháp trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và lâm sản sau xử lý tịch thu	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Được công bố tại Quyết định 814/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của UBND tỉnh (bãi bỏ theo Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)
37	T-PYE-276323-TT	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác hợp pháp trong rừng đặc dụng hoặc rừng phòng hộ và cây xử lý tịch thu thuộc phạm vi quản lý của Hạt Kiểm lâm (đối với các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ có Hạt Kiểm lâm thuộc tỉnh)		
38	T-PYE-276325-TT	Nghiên cứu khoa học trong rừng đặc dụng của các tổ chức, cá nhân trong nước – Phạm vi giải quyết của Ban Quản lý rừng đặc dụng		
39	T-PYE-276324-TT	Chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh		
40	T-PYE-276316-TT	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác		